

Năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam

Lê Văn Yên¹

¹ Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
Email: levanyenf5@gmail.com

Nhận ngày 8 tháng 12 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 12 tháng 2 năm 2019.

Tóm tắt: Năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện rõ trong việc giữ vững bản lĩnh chính trị, bản chất cách mạng và khoa học; kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Phát huy những thành tựu to lớn trong 89 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định quyết tâm cùng với toàn dân và toàn quân tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ công cuộc đổi mới, thực hiện thắng lợi mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Từ khóa: Đảng Cộng sản, năng lực cầm quyền, Việt Nam.

Phân loại ngành: Chính trị học

Abstract: The ruling capacity of the Communist Party of Vietnam is demonstrated clearly in maintaining its political staunchness, revolutionary and scientific nature; being steadfast in its goals of national independence and socialism. Bringing into full play the great achievements of the past 89 years, the Party asserted its determination in working together with the entire people and the entire army, seizing opportunities and overcoming challenges, enhancing its leadership and combatting capacities, continuing to accelerate the renovation process in a comprehensive and synchronous manner, realising the goal of “rich people, strong country, and democratic, equal and civilised society”, firmly advancing to socialism.

Keywords: Communist Party, ruling capacity, Vietnam.

Subject classification: Politics

1. Mở đầu

Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, trở thành đảng duy nhất lãnh đạo cách

mạng Việt Nam. Từ sau thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành đảng cầm quyền, tiếp tục lãnh đạo sự nghiệp cách

mạng trong điều kiện mới. Năng lực cầm quyền của Đảng thể hiện trong lãnh đạo quân và dân tiến hành hai cuộc kháng chiến thần thánh chống Pháp và chống Mỹ, thu giang sơn về một mối, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Với trách nhiệm, vinh dự là một đảng duy nhất cầm quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, Đảng đã không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình, đáp ứng được yêu cầu khách quan của cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ, thực sự phục vụ cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Chính vì thế, nhân dân Việt Nam coi Đảng là “Đảng của mình”. Hơn 30 năm đổi mới là một giai đoạn lịch sử quan trọng của cách mạng Việt Nam. Đổi mới mang tầm vóc và ý nghĩa cách mạng, là quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, triệt để, là sự nghiệp cách mạng to lớn của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc và năng lực cầm quyền của Đảng. Nhân dịp kỷ niệm 89 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930 - 3-2-2019), bài viết trình bày, phân tích làm rõ năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện một đảng lãnh đạo duy nhất cách mạng Việt Nam được thể hiện trong cách mạng giải phóng dân tộc và trong công cuộc đổi mới trong hơn 30 năm qua; đồng thời nêu một số nội dung cần tiếp tục nâng cao năng lực cầm quyền lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Năng lực cầm quyền của Đảng trong cách mạng giải phóng dân tộc

Năng lực cầm quyền, lãnh đạo của Đảng trước hết thể hiện ở việc xác định đường lối cách mạng đúng đắn và ở việc tổ chức các phong trào cách mạng trong thực tiễn. Vào những năm đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước Việt Nam rơi vào cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước. Ngọn cờ cứu nước của giai cấp phong kiến đã lỗi thời, ngọn cờ của giai cấp tư sản cũng không phát lên được, điển hình là thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái do Việt Nam quốc dân Đảng tiến hành. Cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước thực chất là cuộc khủng hoảng về vai trò lãnh đạo cách mạng của một giai cấp tiên tiến mà đại biểu là chính đảng cách mạng. Đất nước trong cơn bế tắc, “tình hình đen tối như không có đường ra”, năm 1911, Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước, Người đã tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức để thành lập Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam. Năm 1927, trong tác phẩm Đường cách mệnh, Người đã xác định: “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy” [5, t.2, tr.289].

Qua một quá trình chuẩn bị, ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Đây là kết quả của quá trình vận động cách mạng trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại; là sự kiện có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Đảng ra đời là sản phẩm

của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đảng sớm có Cương lĩnh cách mạng đầu tiên đúng đắn do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Cương lĩnh xác định: “Chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản... Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến. Làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập” [5, t.3, tr.1]. Cương lĩnh đáp ứng đúng yêu cầu của cách mạng Việt Nam, bảo đảm cho Đảng giành được quyền lãnh đạo phong trào cách mạng, đồng thời phản ánh năng lực của Đảng ngay từ khi mới ra đời. Đánh giá sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng” [5, t.12, tr.406].

Vừa mới ra đời, Đảng đã phát động ngay được cao trào cách mạng 1930-1931, đỉnh cao là Xôviết Nghệ Tĩnh. Cao trào đã thu hút đông đảo quần chúng công nông cả nước đấu tranh chống ách thống trị của bọn đế quốc, phong kiến. Thành quả lớn nhất của cao trào cách mạng 1930-1931, mà cuộc khủng bố trắng tàn khốc của đế quốc và phong kiến sau đó đã không thể nào xóa nổi là ở chỗ, nó khẳng định trong thực tế quyền và năng lực lãnh đạo cách mạng của Đảng ta; ở chỗ nó đem lại cho công nông niềm tin vào Đảng, đem lại cho quần chúng lòng tự tin ở sức mạnh của mình. Trong khi khẳng định đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng, năng lực cách mạng to lớn của công nông, nó cũng chứng tỏ tính chất phiêu lưu, cải lương của giai cấp tư sản, nó bóc trần bộ mặt phản động của giai cấp địa

chủ và tư sản mại bản. Đó là thắng lợi đầu tiên có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển về sau của cách mạng. “Trực tiếp mà nói, không có những trận chiến đấu rung trời chuyển đất những năm 1930-1931, trong đó công nông đã vung ra nghị lực cách mạng phi thường của mình, thì không thể có cao trào những năm 1936-1939” [1, tr.37]. Cao trào cách mạng 1930-1931 là “cuộc tổng diễn tập đầu tiên” cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Những năm 1936-1939, một thời kỳ đấu tranh hợp pháp và nửa hợp pháp kết hợp chặt chẽ với hoạt động bí mật, bất hợp pháp diễn ra ở nước ta. Khi Mặt trận Bình dân lên cầm quyền ở Pháp, Đảng coi đây là một cơ hội tốt để đưa cách mạng tiến bước. Đảng đề ra mục tiêu cho thời kỳ này là “chống phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do dân chủ, cơm áo và hòa bình”. Cao trào cách mạng 1936-1939 dưới sự lãnh đạo của Đảng là thời kỳ vận động quần chúng sôi nổi với nhiều hình thức tổ chức và hoạt động linh hoạt, phong phú, kể cả việc lợi dụng các “viện dân biểu”, các “hội đồng quản hạt” do Pháp lập ra. Đảng đã động viên, giáo dục cho hàng triệu quần chúng trong các cuộc đấu tranh chính trị rộng khắp. Các nghị quyết của Đảng thời kỳ này đánh dấu bước trưởng thành, thể hiện năng lực lãnh đạo của Đảng, chuẩn bị điều kiện để đưa quần chúng vào những trận chiến đấu quyết liệt trong thời kỳ 1940-1945.

Khi Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp quỳ gối dâng Việt Nam cho phát xít Nhật, nhân dân một cổ hai tròng. Đảng nhận định đây là thời kỳ mà áp bức, bóc lột và chiến tranh làm cho nhân dân ngày càng cách mạng hóa, cách mạng sẽ bùng nổ. Đảng quyết định lập Mặt trận

Việt Minh để tập hợp rộng rãi các lực lượng dân tộc dân chủ, đồng thời xây dựng các căn cứ địa và những đơn vị vũ trang đầu tiên, phát động phong trào đánh Pháp, đuổi Nhật sôi nổi, mạnh mẽ. Khi Nhật hất cẳng Pháp, Đảng đã tranh thủ thời cơ, chuyển hướng mau lẹ, phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước. Đây là thời kỳ Đảng động viên quần chúng phát triển lực lượng chính trị sâu rộng ở nông thôn và thành thị, đồng bằng và rừng núi, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiến hành cuộc Cách mạng tháng Tám thành công, giành chính quyền nhanh gọn trong cả nước, lập nên nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, đưa Đảng lên vị trí đảng cầm quyền. Đánh giá cuộc Cách mạng tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc” [5, t.7, tr.25].

Sau Cách mạng tháng Tám, khi chính quyền cách mạng còn trứng nước, trước nguy cơ cực kỳ nghiêm trọng do thù trong giặc ngoài gây ra, tình hình đất nước như “ngàn cân treo sợi tóc”. Với đường lối sáng suốt, vừa cứng rắn về nguyên tắc, vừa mềm dẻo về sách lược, Đảng đã lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua thác ghềnh hiểm trở, lướt sóng đi lên. Cụ thể là, lúc thì tạm hòa hoãn với Tưởng để rảnh tay đối phó với Pháp trở lại xâm lược Việt Nam lần thứ hai, lúc thì tạm hòa hoãn với Pháp để đuổi quân Tưởng và quét sạch bọn phản động tay sai, giành thời gian củng cố lực lượng, chuẩn bị cho cả nước bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp. Những biện pháp cực kỳ sáng suốt đó cho thấy năng lực và tài ba lãnh đạo của

Đảng đã “được ghi vào lịch sử cách mạng Việt Nam như một mẫu mực tuyệt vời của sách lược Lênin”.

Năng lực của Đảng còn thể hiện rõ trong lãnh đạo tiến hành cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp 1946-1954. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt, đầy nghị lực của Đảng, quân và dân đã tiến hành cuộc kháng chiến “toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính”, giành được thắng lợi vẻ vang, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, chấn động địa cầu, giải phóng miền Bắc, tạo điều kiện cơ bản để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc, dân chủ. Lãnh đạo thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp có ý nghĩa không chỉ với Việt Nam mà còn đối với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới” [5, t.12, tr.410].

Từ năm 1954 đến năm 1975, dưới ánh sáng của đường lối cách mạng do Đại hội lần thứ III của Đảng đề ra, nhân dân cả nước đã đấu tranh vô cùng anh dũng và bền bỉ thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: giải phóng miền Nam, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Cùng một lúc giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng đã kết hợp sức mạnh chiến đấu của tiền tuyến lớn với hậu phương lớn, động viên đến mức cao nhất lực lượng của toàn dân tộc vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; kết tinh, tổng hợp và phát triển lên trình độ mới những truyền thống cách mạng và năng lực sáng tạo của Đảng

và dân tộc, dẫn đến đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc” [2, tr.5-6]. Những mốc son chói ngời đó gắn liền với năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng giải phóng dân tộc.

3. Năng lực lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới

Hơn 30 năm đổi mới là một giai đoạn lịch sử quan trọng của cách mạng Việt Nam, đánh dấu sự trưởng thành mọi mặt của Đảng. Đổi mới mang tầm vóc và ý nghĩa cách mạng, là quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, triệt để, là sự nghiệp cách mạng to lớn của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, được thể hiện rõ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Thứ nhất, Đảng lãnh đạo xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong tiến trình đổi mới, quan điểm và thể chế xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa được Đảng bổ sung, hoàn thiện một bước cơ bản, quan trọng. Nhận thức của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên và nhân dân về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân có bước

phát triển mới. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Hiến pháp năm 2013 được ban hành đã khẳng định rõ: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức”, đồng thời nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước được quy định đầy đủ hơn: “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp”. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, cơ chế hoạt động của tổ chức bộ máy nhà nước được xác định rõ hơn và có những bước tiến trong hoạt động. Vai trò của pháp luật cùng cơ chế phân công, phối hợp, kiểm soát quyền lực trong tổ chức hoạt động, trong tổ chức thực hiện và quản lý xã hội của Nhà nước được đề cao và có nhiều tiến bộ.

Quốc hội có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Hệ thống pháp luật tiếp tục được hoàn thiện. Hoạt động giám sát của Quốc hội đã tập trung vào những vấn đề bức thiết, quan trọng của đất nước. Việc thảo luận, quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước, các dự án, công trình trọng điểm quốc gia có chất lượng hơn. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội có nhiều đổi mới về tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động, trách nhiệm của các đại biểu Quốc hội được nâng cao. Chính phủ và các bộ đã tập trung vào quản lý, điều hành vĩ mô, giải quyết những vấn đề lớn, quan trọng của đất nước. Cải cách hành chính tiếp tục được chú trọng và bước đầu đạt kết quả tích cực. Việc đổi mới về tổ chức chính quyền địa phương được tập trung chỉ đạo và tổng kết, rút kinh

nghiệm. Nhiều chủ trương, đường lối của Đảng về cải cách tư pháp được thể chế trong Hiến pháp, pháp luật và được triển khai thực hiện nghiêm túc, đạt kết quả tốt. Tổ chức bộ máy của Tòa án nhân dân, cơ quan hỗ trợ tư pháp tiếp tục được kiện toàn, chất lượng hoạt động có tiến bộ, bảo vệ tốt lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, hạn chế tình trạng oan sai.

Thứ hai, Đảng lãnh đạo cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; hoàn thiện thể chế và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đảng lãnh đạo Nhà nước cơ cấu lại nền kinh tế, thực hiện ba khâu đột phá chiến lược (thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nguồn nhân lực; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng), nhất là các lĩnh vực trọng tâm, năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế được cải thiện. Giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường bảo đảm khá hài hòa. Hiệu quả đầu tư xã hội, đầu tư công từng bước được cải thiện, hạn chế được đầu tư dàn trải. Hệ thống tài chính, tín dụng được cơ cấu lại, không để xảy ra tình trạng đổ vỡ, mất an toàn. Doanh nghiệp nhà nước được sắp xếp, đổi mới theo hướng tập trung vào những ngành chính. Cổ phần hóa được đẩy nhanh, thực hiện mô hình quản trị kinh doanh hiện đại, nâng cao tính công khai, minh bạch và hiệu quả hoạt động.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa được đẩy mạnh, đạt một số kết quả. Công nghệ sản xuất công nghiệp đã thay đổi về trình độ theo hướng hiện đại. Tỷ trọng công nghiệp chế tạo, chế biến trong giá trị sản xuất công nghiệp tăng, tỷ trọng công nghiệp khai thác giảm. Khu vực thương mại, dịch vụ tăng trưởng khá, cơ cấu xuất khẩu chuyển dịch

phù hợp. Công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn có chuyển biến; nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng khai thác những lợi thế của nông nghiệp nhiệt đới. Việc ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ giới hóa được nâng lên và xây dựng nông thôn mới có nhiều tiến bộ. Cơ cấu kinh tế vùng được quan tâm, có sự chuyển dịch theo hướng phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương. Cơ cấu lao động có sự chuyển dịch tích cực, chất lượng nguồn nhân lực được cải thiện. Đội ngũ doanh nhân đã có những đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có bước phát triển, quá trình đô thị hóa nhanh. Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, góp phần thúc đẩy quá trình tham gia vào mạng sản xuất, chuỗi giá trị toàn cầu, nâng cao giá trị gia tăng của nền kinh tế.

Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách tiếp tục được hoàn thiện. Vai trò, hiệu quả, sức cạnh tranh của các chủ thể kinh tế, các loại hình doanh nghiệp được nâng lên. Môi trường đầu tư và kinh doanh được cải thiện, bình đẳng và thông thoáng hơn. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường được hình thành đồng bộ hơn, gắn kết với thị trường khu vực và quốc tế. Hầu hết các loại giá được xác lập, thực hiện cơ chế giá thị trường có sự quản lý của Nhà nước đối với một số loại hàng hóa, dịch vụ thiết yếu. Vai trò của Nhà nước được điều chỉnh phù hợp hơn với cơ chế thị trường, ngày càng phát huy dân chủ trong đời sống kinh tế - xã hội. Việc huy động và phân bổ các nguồn lực với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng bước phù hợp với kinh tế thị trường, hạn chế và kiểm soát được độc quyền kinh

doanh. Hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, đa dạng về hình thức, từng bước thích ứng với nguyên tắc và chuẩn mực thị trường toàn cầu. Đã thiết lập được nhiều quan hệ đối tác chiến lược về kinh tế. Tích cực đóng góp xây dựng cộng đồng ASEAN. Hoàn thiện thị trường trong nước đầy đủ hơn theo cam kết WTO. Đàm phán, ký kết, thực hiện nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Những kết quả đạt được nêu trên là do Đảng đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách, giải pháp thực hiện các nghị quyết của Đảng phù hợp với tình hình mới; Nhà nước, hệ thống chính trị và toàn dân đã có nhiều cố gắng thực hiện chủ trương của Đảng về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, Đảng lãnh đạo xây dựng phát triển văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hóa, con người được Đảng và Nhà nước quan tâm trong các chính sách kinh tế - xã hội và được thực hiện từ Trung ương đến địa phương. Việc lãnh đạo và thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng con người đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế có bước chuyển quan trọng, trong đó gắn nhiệm vụ xây dựng văn hóa, con người với nhiệm vụ xây dựng, phát triển đất nước, gắn xây dựng môi trường văn hóa với xây dựng con người với các phẩm chất về trách nhiệm xã hội, ý thức công dân, về tính chủ động, sáng tạo và khát vọng vươn lên. Hệ thống thể chế và thiết chế văn hóa từng bước được tăng cường. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, của từng vùng miền được kế thừa, nhiều di sản văn

hóa được bảo tồn, tôn tạo. Xã hội hóa hoạt động văn hóa ngày càng mở rộng. Truyền thông đại chúng phát triển nhanh cả về loại hình, quy mô, lực lượng và phương tiện kỹ thuật. Đời sống văn hóa của nhân dân được cải thiện. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” khơi dậy được nhiều giá trị nhân văn trong cộng đồng. Việc xây dựng môi trường văn hóa được chú trọng hơn. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được tăng cường. Giao lưu hợp tác quốc tế về văn hóa có nhiều khởi sắc. Chủ trương của Đảng gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, con người và tiến bộ, công bằng xã hội đã trở thành tư tưởng chỉ đạo cho nhiều chương trình, kế hoạch phát triển.

Các nghị quyết của Đảng về giáo dục, đào tạo được lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đạt được những kết quả nhất định. Quy mô, mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo tiếp tục được mở rộng. Hệ thống giáo dục, đào tạo các cấp và dạy nghề được tổ chức lại một bước. Đảng đã quan tâm đầu tư cho giáo dục, đào tạo, nên chất lượng giáo dục, đào tạo có tiến bộ hơn. Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, đào tạo được cải thiện, từng bước hiện đại. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có bước phát triển về số lượng và chất lượng. Xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh, công tác quản lý giáo dục, đào tạo có bước chuyển biến. Chủ trương của Đảng về đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho con người đã được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm chỉ đạo thực hiện.

Trong những năm qua, khoa học và công nghệ đã có những đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội. Khoa học xã hội và nhân văn góp phần quan trọng cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối của Đảng, chính sách của Nhà

nước, khẳng định lịch sử hình thành và phát triển dân tộc, bảo vệ chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, bảo tồn các giá trị và bản sắc văn hóa Việt Nam. Lĩnh vực khoa học tự nhiên, các ngành khoa học cơ bản, khoa học và công nghệ liên ngành tiếp tục phát triển, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Một số ngành khoa học, công nghệ mũi nhọn đã có đóng góp tích cực phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh. Hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ có chuyển biến, tiềm lực khoa học, công nghệ được nâng lên. Quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ có đổi mới. Hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ có bước tiến bộ. Thị trường khoa học, công nghệ hình thành và bước đầu phát huy tác dụng. Đảng luôn quan tâm chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, dân tộc, tôn giáo và các vấn đề xã hội. Nhận thức của toàn xã hội về tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội được nâng lên. Hệ thống luật pháp, chính sách được bổ sung nhằm điều tiết các quan hệ xã hội. Ngân sách nhà nước dành cho các chương trình quốc gia nhằm thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội gia tăng. Việt Nam đã hoàn thành hầu hết các Mục tiêu Thiên niên kỷ. Thực hiện tốt chỉ tiêu giảm nghèo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện nhiều chính sách ổn định, từng bước nâng cao đời sống nhân dân. Việc thực hiện chính sách chăm sóc người có công với nước được quan tâm. Thực hiện có hiệu quả các chính sách về người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, chăm sóc sức khỏe cho người dân, tạo điều kiện để người dân chủ động phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục những rủi ro.

Đời sống và thu nhập của người dân không ngừng được nâng lên.

Thứ tư, Đảng lãnh đạo tăng cường quốc phòng, an ninh bảo vệ vững chắc Tổ quốc; nâng cao hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc. Trong bối cảnh quốc tế và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, Đảng lãnh đạo bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội, kiên quyết đấu tranh giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Việt Nam đã chủ động, kiên quyết đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp, bảo vệ được chủ quyền, biển đảo, vùng trời, giữ được hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Chủ trương, giải pháp trong chiến lược quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện. Thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân tiếp tục được tăng cường, nhất là trên các địa bàn chiến lược quan trọng. Sức mạnh mọi mặt của quân đội và công an được tăng cường. Kết hợp có hiệu quả giữa nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữa kinh tế với quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Đấu tranh làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình”, hoạt động phá hoại, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, đối phó có hiệu quả với mối đe dọa an ninh phi truyền thống, kiềm chế được gia tăng tội phạm. Đảng đề ra đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ đúng đắn, sáng tạo nên hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế đạt nhiều kết quả quan trọng, tạo được môi trường hòa bình thuận lợi để phát triển. Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững. Quan hệ đối ngoại được mở rộng, ngày càng đi vào chiều sâu. Quan hệ với các nước láng giềng và các nước ASEAN được củng cố. Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối

tác chiến lược, đối tác toàn diện với nhiều nước. Hội nhập quốc tế được đẩy mạnh, góp phần quan trọng vào việc tăng cường nguồn lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Việt Nam đã chủ động, tích cực tham gia các công việc chung, các diễn đàn, tổ chức khu vực và quốc tế. Công tác đối ngoại của Đảng, ngoại giao của Nhà nước và đối ngoại nhân dân được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Nhận thức đúng về xu thế của thời đại và cục diện thế giới, khu vực, Đảng đã có định hướng chỉ đạo với các chủ trương đúng đắn, kịp thời phục vụ lợi ích quốc gia. Nhiều chủ trương, giải pháp xử lý các vấn đề phức tạp, trong đó có vấn đề Biển Đông đã tạo được sự đồng thuận cao trong toàn Đảng, toàn dân và được dư luận quốc tế ủng hộ.

Trong bối cảnh đất nước có nhiều khó khăn, thách thức, khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được mở rộng, củng cố và tăng cường. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có nhiều đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động, phát huy ngày càng tốt hơn vai trò tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Đảng, Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Nhân dân tích cực tham gia xây dựng Đảng, quản lý nhà nước và quản lý xã hội. Đồng thời, thường xuyên tổ chức các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, góp phần vào những thành tựu chung của đổi mới. Đạt được kết quả trên là do Đảng luôn quan tâm, nhất quán chủ trương phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thứ năm, Đảng coi công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng là nhiệm vụ then chốt. Công tác xây dựng Đảng thời gian qua được toàn Đảng,

toàn dân và toàn quân quan tâm và đã đạt được những kết quả quan trọng. Nhiệm vụ xây dựng Đảng về chính trị được toàn Đảng coi trọng. Đảng kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định đường lối đổi mới, chống giáo điều, chủ quan, bảo thủ, trì trệ hoặc nóng vội, duy ý chí. Đảng coi trọng giữ vững bản chất giai cấp công nhân và các nguyên tắc hoạt động. Năng lực hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng có nhiều tiến bộ. Công tác tư tưởng, lý luận của Đảng được coi trọng, nâng cao về chất lượng và hiệu quả, góp phần tạo ra sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội. Tích cực đấu tranh phòng chống “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; chủ động phòng ngừa, đấu tranh phê phán những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận được đẩy mạnh. Việt Nam đã tiến hành tổng kết một số vấn đề lý luận, thực tiễn qua 30 năm đổi mới v.v..

Đảng coi trọng rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên. Việc thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh Học tập và làm theo tư tưởng, phong cách, đạo đức Hồ Chí Minh đạt kết quả quan trọng. Tổ chức bộ máy của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục được sắp xếp, kiện toàn theo yêu cầu, nhiệm vụ mới. Chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các tổ chức trong hệ thống chính trị được phân định, điều chỉnh phù hợp hơn. Đảng chỉ đạo việc thí điểm một số mô hình đổi mới về tổ chức bộ máy chính quyền các cấp. Chất lượng đội ngũ cán bộ,

công chức, viên chức trong hệ thống chính trị từng bước được nâng lên, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới. Công tác xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng và việc phát triển, nâng cao chất lượng đảng viên được các cấp ủy đảng tập trung chỉ đạo thực hiện, nhất là đối với tổ chức cơ sở đảng yếu kém, có nhiều khó khăn, những địa bàn trọng yếu, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, thu hẹp đáng kể tình trạng chi bộ sinh hoạt ghép hoặc chưa có chi bộ ở các thôn, ấp, bản, làng. Số đảng viên mới kết nạp là đoàn viên thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, nữ, trí thức, học sinh, sinh viên, dân tộc thiểu số, người theo tôn giáo, người lao động trong các thành phần kinh tế và doanh nghiệp tư nhân tăng lên.

Nhiều chủ trương, nguyên tắc, quan điểm, giải pháp lớn về công tác cán bộ được cụ thể hóa bằng quy chế, quy định, quy trình, bảo đảm dân chủ hơn. Việc thực hiện lấy phiếu tín nhiệm cán bộ, trọng tâm là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp được dư luận đồng tình. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ đã thực hiện theo quy hoạch. Việt Nam đã tiến hành xây dựng quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chức danh chủ chốt của Đảng, Nhà nước. Quy định thực hiện chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo chức danh có tác dụng tốt. Việc thực hiện chính sách cán bộ trong hệ thống chính trị tiếp tục được quan tâm. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đạt nhiều kết quả, góp phần xây dựng, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo đảm an ninh chính trị. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

được tăng cường, có hiệu lực, hiệu quả. Việc tham mưu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung và ban hành các văn bản mới của Đảng đồng bộ và phù hợp hơn. Đảng tiếp tục củng cố, kiện toàn ủy ban kiểm tra và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp. Đảng và Nhà nước thể hiện quyết tâm chính trị trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Nhận thức và thực tiễn đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong thời gian qua được nâng cao trong hệ thống chính trị, trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân. Đảng, Nhà nước tiếp tục ban hành các quy định, chính sách, pháp luật và tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo và các đơn vị chuyên trách phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Nhiều vụ án tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp được phát hiện, điều tra, xử lý nghiêm minh, được dư luận đồng tình ủng hộ, tạo sức mạnh răn đe, phòng ngừa tham nhũng, lãng phí. Công tác dân vận của Đảng được quan tâm và có bước đổi mới cùng với việc ban hành, thực hiện nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế đã bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Việt Nam áp dụng nhiều hình thức vận động, tập hợp nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh; đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động đối ngoại nhân dân và công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài.

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị tiếp tục được đổi mới. Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, quy chế, quy định, quy trình công tác để thực

hiện, bảo đảm giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của của các tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là vai trò của Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc. Việc đổi mới phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở có bước tiến mới. Thực hiện chế độ tập thể lãnh đạo đi đôi với phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu được nâng cao. Đảng coi trọng phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đảng, cấp ủy, đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, trong Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Đảng đã có nhiều đổi mới trong việc ra nghị quyết, coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Tiếp tục chủ trương cải cách thủ tục hành chính trong Đảng, Nhà nước theo hướng giảm bớt thủ tục, giấy tờ, hội họp v.v..

4. Nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng trong giai đoạn mới

Bước sang giai đoạn mới, để nâng cao năng lực cầm quyền lãnh đạo, Đảng cần tập trung vào những nhiệm vụ chủ yếu sau:

Thứ nhất, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới. Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ, tính chiến đấu của toàn Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp. Giữ

vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng. Nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng và bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng có hiệu lực, hiệu quả; giữ vững bản lĩnh chính trị của Đảng, của các tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên. Nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chính sách phù hợp với quy luật khách quan và đặc điểm của Việt Nam, tạo bước đột phá để phát triển.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn, hoàn thiện hệ thống các quan điểm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. “Đổi mới mạnh mẽ công tác giáo dục lý luận chính trị, học tập nghị quyết của Đảng. Thực hiện nền nếp việc bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, đặc biệt là cấp Trung ương. Tiếp tục đổi mới chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị theo hướng nâng cao chất lượng, chú trọng tính hiệu quả và phù hợp với từng đối tượng” [3, tr.201-202].

Thứ ba, tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng phục vụ yêu cầu nhiệm vụ chính trị. Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên. Đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Tăng

cường đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Chủ động ngăn chặn, phản bác các thông tin, quan điểm xuyên tạc, sai trái, thù địch.

Thứ tư, nâng cao năng lực lãnh đạo xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, đúng với tư cách nền tảng pháp lý cho quyền làm chủ của nhân dân. Ở đó, sự phân công, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan quyền lực nhà nước cần rõ ràng, rành mạch, không chồng chéo, tạo ra sự hỗ trợ, tương tác và sự kiểm tra, giám sát lẫn nhau để vận hành hiệu quả của các cơ quan quyền lực trên cơ sở phát huy cao nhất sức mạnh của Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Đó cũng là cơ sở pháp lý nâng cao năng lực cầm quyền, lãnh đạo toàn diện hệ thống chính trị của Đảng.

Thứ năm, nâng cao năng lực lãnh đạo hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kiên trì phấn đấu hoàn thiện cơ bản và đồng bộ hệ thống thể chế theo các tiêu chuẩn phổ biến của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế. Bảo đảm tính đồng bộ giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị, giữa Nhà nước và thị trường; bảo đảm sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển con người, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển xã hội bền vững. Chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế gắn với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; bảo đảm tính công khai, minh bạch, tính dự báo được thể hiện trong xây dựng và thực thi thể chế kinh tế, tạo điều kiện ổn định, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ sáu, thực hiện tốt mục tiêu mà Hội nghị Trung ương 6 khóa XII của Đảng đề

ra: “Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ công chức, viên chức” [4, tr.45-46].

Thứ bảy, thực hiện tốt những nhiệm vụ chủ yếu mà Hội nghị Trung ương 7 khóa XII của Đảng đề ra: Nâng cao nhận thức, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược ngang tầm nhiệm vụ. Kiểm soát chặt chẽ quyền lực trong công tác cán bộ; chống chạy chức, chạy quyền. Phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng đội ngũ cán bộ. Nâng cao chất lượng công tác tham mưu, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về công tác tổ chức, cán bộ. Chuẩn bị một số nội dung cơ bản về công tác nhân sự đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

Thứ tám, cần xác định đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên; đồng thời là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, lâu dài, là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền và của toàn hệ thống chính trị. Là một đảng cầm quyền, Đảng cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, bảo đảm chặt chẽ, công

khai, minh bạch và thực hiện đồng bộ các giải pháp về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện nghiêm về kê khai tài sản, thu nhập của đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý. Chú trọng giáo dục phẩm chất đạo đức và trách nhiệm công vụ. Quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử và xử lý nghiêm, đúng pháp luật hành vi tham nhũng, lãng phí. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, tạo sự thống nhất trong nhận thức và sự đồng thuận trong xã hội về phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

5. Kết luận

Trải qua 89 năm, cách mạng Việt Nam giành được nhiều thắng lợi có ý nghĩa lịch sử, chứng tỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là một tất yếu khách quan và năng lực cầm quyền lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Là đội tiên phong cách mạng, đã trải qua nhiều thử thách và rèn luyện, Đảng đã chứng tỏ được năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình, được nhân dân tin cậy, coi là “Đảng của mình”. Trong giai đoạn hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định

và khẳng định quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển đất nước nhanh và bền vững, thực hiện thắng lợi mục tiêu cao cả “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Duẩn (1970), *Dưới là cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (1976), *Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.2, t.3, t.7, t.12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

